HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2020/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông

1. Nội dung chi, mức hỗ trợ tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo *(theo Phụ lục I đính kèm)*.

2. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền khuyến nông *(theo Phụ lục II đính kèm)*.

3. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn về khuyến nông *(theo Phụ lục III đính kèm)*.

4. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế và nội dung chi khác về khuyến nông *(theo Phụ lục IV đính kèm)*.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn ngân sách nhà nước: Kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu khuyến nông.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2020.

2. Đối với các chương trình, dự án khuyến nông địa phương được phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo dự toán đã được phê duyệt cho đến khi kết thúc chương trình, dự án.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Đối với các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiểu

Phụ lục I
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ
TỔ CHỨC LỚP BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
1.	Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	
a)	Chi thù lao cho giảng viên (đã bao gồm tiền biên soạn tài liệu)	Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ
b)	Chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật (đã bao gồm tiền biên soạn tài liệu)	Thực hiện theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2 của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố
c)	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố
d)	Chi đưa, đón cho giảng viên, trợ giảng	Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chínhquy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị

đ)	Chi tiền chỗ ở cho giảng viên, trợ giảng	Thực hiện theo quy định tại Tiết 3, Điểm a, Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
2.	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; chi thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác)	- Chi nước uống 20.000 đồng/buổi/người. - Các nội dung còn lại chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố và các quy định liên quan.
3.	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho học viên là đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ	
a)	Đối với học viên là đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông	

	- Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước	
	+ Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 100% chi phí
	+ Hỗ trợ chi phí chỗ ở	Thực hiện theo quy định tại Tiết 3, Điểm a, Khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
	- Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	
	+ Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 100% chi phí
	+ Hỗ trợ tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
	+ Hỗ trợ tiền đi lại	Thực hiện theo quy định tạiĐiểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của **Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông:** - Hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. - Riêng đối với người khuyết tật hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên

	+ Hỗ trợ chi phí chỗ ở	Thực hiện theo Tiết 3, Điểm a Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
b)	Đối với học viên là đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ	
	- Người nông dân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	
	+ Tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 100% chi phí
	+ Hỗ trợ tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
	+ Hỗ trợ tiền đi lại	Thực hiện theo quy định tạiĐiểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC: - Hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. - Riêng đối với người khuyết tật hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên
	+ Hỗ trợ chi phí chỗ ở	Thực hiện theo Tiết 3, điểm a Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
	- Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Hỗ trợ bằng 100% chi phí tài liệu học; nội dung khác hỗ trợ bằng 50% so với đối tượng là người nông dân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

	- Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông	Được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo
4.	Chi khảo sát, học tập trong nước và nước ngoài	
a)	Đối với khảo sát học tập trong nước	Chi chế độ công tác phí trong nước theo quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố. Riêng tiền ăn, nơi ở thực hiện theo quy định tại Khoản 3 của Phụ lục này.
b)	Đối với khảo sát học tập ngoài nước	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí.

Phụ lục II

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ

THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
1.	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông	
a)	Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;
b)	Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm, thông tin được đăng trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.
2.	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập	
a)	Nội dung chi, mức chi	Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

		Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
b)	Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo	Thực hiện mức chi theo quy định tại Khoản 5, Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
3.	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông	
a)	Hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho đại biểu	Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố
b)	Chi thù lao cho báo cáo viên, người có báo cáo tham luận	Áp dụng bằng mức chi dành cho giảng viên theo mức chi tổ chức các lớp chức lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được quy định tại nghị quyết này
c)	Các nội dung chi khác	Thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
4.	Tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp các cấp.	Hỗ trợ 100% chi phí: Thuê gian hàng
5.	Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

		quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân sở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp
6.	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dân quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Phụ lục III

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG CÁC MÔ HÌNH TRÌNH DIỄNVỀ KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
1.	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất phù hợp với điều kiện ứng dụng của thành phố	
a)	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình	
	- Mô hình trình diễn đối với các hộ nông dân trên địa bàn thành phố	Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu
	- Mô hình ứng dụng công nghệ cao	Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình
	- Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Hỗ trợ 100% kinh phí nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình
	- Chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình)	Hỗ trợ 100% chi phí
b)	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe, hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ tiền nước uống. Thực hiện theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Phụ lục I của Nghị quyết này
c)	Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	Tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) với số ngày thực tế thuê

2.	Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.	Mức chi theo quy định tại Phụ lục I và Khoản 2 của Phụ lục II Nghị quyết này

Phụ lục IV

NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ TƯ VẤN, DỊCH VỤ, HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ NỘI DUNG CHI KHÁC VỀ KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
1.	Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông	
a)	Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I của Nghị quyết này
b)	Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm	Thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Nghị quyết này
c)	Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng	Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan
2.	Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông	
a)	Chi tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông	Thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.
b)	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; mức chi tiếp khách trong nước; đối tượng khách trong nước được mời cơm khi đến thăm và làm việc tại thành phố Cần Thơ.

3.	Nội dung chi khác	
a)	Đối với các nội dung chi: thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông; mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của **Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông**
b)	Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được trích 3% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ thực hiện các nội dung như sau:	
	- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác	Mức chi áp dụng theo định mức, chế độ tài chính hiện hành

	- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông	Thực hiện theo Điểm a, Khoản 4 của Điều 9 của Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của **Bộ trưởng Bộ Tài chính**
c)	Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.